

VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tháng 5: Những điểm nhấn mùa ĐHĐCĐ

Những sự kiện
chính



Cập nhật ĐHĐCĐ
và KQKD quý 1



Triển vọng
thị trường



Trần Thị Ngọc Hoà

hoa.ttn@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

1 Tiêu điểm tháng

2 Tổng quan theo ngành

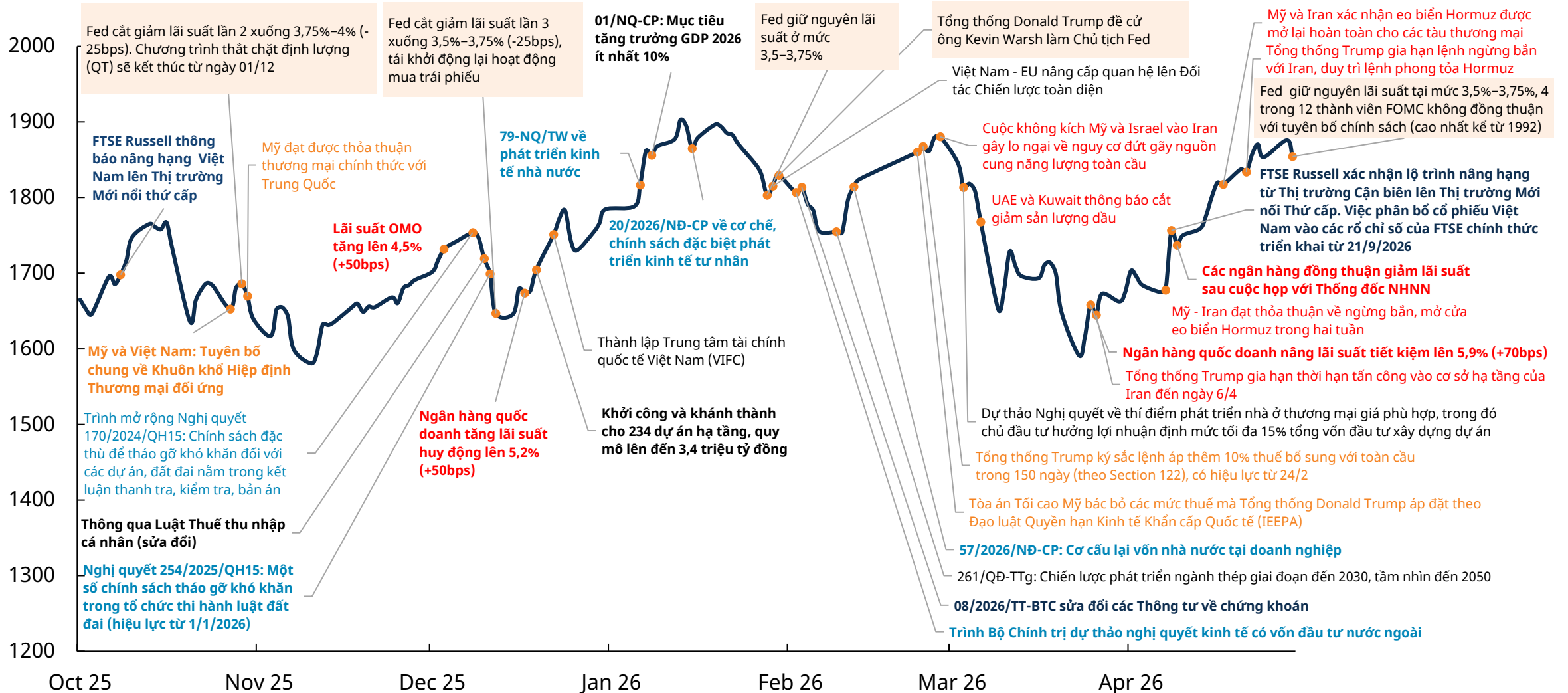
3 Triển vọng thị trường

4 VN100: Các chỉ số định giá chính



1 Tiêu điểm tháng

Thị trường tập trung vào mùa Đại hội đồng cổ đông và KQKD quý 1, trong bối cảnh cuộc chiến tại Trung Đông đang dần hạ nhiệt



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Fiinpro, cập nhật tới 29/4/2026

1 Tiêu điểm tháng

Sự kiện chính trong nước và quốc tế

Sự kiện	Nội dung	Đánh giá
Chiến tranh Mỹ-Iran: Chuyển sang giai đoạn đàm phán Những biến động liên quan tới cuộc chiến Trung Đông tiếp tục ảnh hưởng tới tâm lý thị trường	Sau hơn 5 tuần, vào ngày 7/4, Mỹ - Iran đạt thỏa thuận về ngừng bắn, mở cửa eo biển Hormuz trong hai tuần. Ngày 21/4, Tổng thống Trump gia hạn lệnh ngừng bắn với Iran, duy trì lệnh phong tỏa Hormuz. Ngày 1/5, Tổng thống Trump bác bỏ đề xuất mới nhất của Iran về việc chấm dứt chiến tranh.	Trung tính
NHNN đang dự thảo Thông tư quy định về Quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam , thay thế 06/2019/TT-NHNN ngày 26/6/2019	Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được mở tài khoản vốn và thực hiện một số giao dịch thanh toán trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT). Tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án, đặc biệt ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Việc kết hợp giữa nới lỏng thủ tục và tăng cường giám sát được kỳ vọng giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn hơn đối với dòng vốn ngoại trong giai đoạn tới.	Tích cực
Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI (đợt 1: 6/4-12/4; đợt 2: 20/4-24/4)	Thực hiện công tác nhân sự, kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước Thông qua: Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết về kế hoạch vay, trả nợ công giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Tích cực


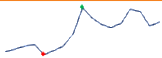











Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, **cập nhật tới 30/04/2026**

1 Tiêu điểm tháng

Sự kiện chính trong nước và quốc tế

Sự kiện	Nội dung	Đánh giá
Chính sách tiền tệ các NHTW	<ul style="list-style-type: none">• Mỹ: Trong cuộc điều trần trước quốc hội, ứng viên Chủ tịch Fed Kevin Warsh nhấn mạnh tính độc lập của Fed, cam kết ưu tiên kiểm soát lạm phát, giảm quy mô bảng cân đối kế toán của Fed, và kỳ vọng AI sẽ là động lực tăng trưởng. <p>Fed quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 3,5%–3,75% trong cuộc họp ngày 29/4. Đáng chú ý, 4 trong 12 thành viên FOMC không đồng thuận với tuyên bố chính sách, mức bất đồng cao nhất kể từ năm 1992: Ba chủ tịch Fed khu vực ủng hộ quyết định giữ nguyên lãi suất, nhưng phản đối việc Fed tiếp tục duy trì ngôn ngữ mang hàm ý thiên về nới lỏng chính sách; trong khi đó, Thống đốc Stephen Miran bỏ phiếu phản đối vì muốn Fed hạ lãi suất 25bps.</p> <ul style="list-style-type: none">• EU: Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp ngày 30/4.• Anh: Ngân hàng trung ương Anh (BoE) giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp ngày 30/4.	Trung tính

Diễn biến ngành tháng 4 phản ánh kỳ vọng tích cực về triển vọng 2026 cập nhật trong kỳ ĐHĐCĐ

Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa từ 2025	Thay đổi		Tăng trưởng LNST			Tăng trưởng LNST (% YoY)				
				T4	YTD	2024	2025	2026	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26
VN-Index	8,740,903	100%		10.8%	4.6%	19%	28%	16.0%	10%	32%	23%	45%	51%
Ngân hàng	2,620,421	30.0%		3.0%	0.7%	19%	16%	16.9%	14%	16%	22%	12%	12%
Bất động sản	2,832,447	32.4%		41.0%	16.5%	2%	51%	51.1%	3%	165%	-54%	190%	196%
Tiêu dùng thiết yếu	622,056	7.1%		-0.7%	-9.9%	18%	17%	9.9%	2%	18%	13%	26%	64%
Dịch vụ tài chính	513,756	5.9%		0.1%	2.9%	32%	73%	18.8%	7%	29%	170%	92%	22%
Nguyên vật liệu	497,477	5.7%		2.4%	9.5%	45%	29%	12.0%	17%	28%	59%	13%	104%
Tiêu dùng không thiết yếu	234,870	2.7%		-0.8%	-2.4%	121%	98%	3.3%	34%	169%	103%	84%	67%
Xây dựng cơ bản	348,296	4.0%		-4.8%	-10.3%	41%	45%	-19.2%	10%	6%	182%	18%	2%
Tiện ích	323,935	3.7%		-3.3%	2.7%	-21%	61%	-16.0%	72%	83%	12%	97%	43%
Vận tải	293,018	3.4%		6.0%	-1.6%	1386%	12%	0.1%	-11%	83%	2%	-9%	28%
Dầu khí	197,692	2.3%		-11.7%	28.2%	-56%	79%	-35.1%	-63%	12%	622%	342%	812%
CNTT	137,599	1.6%		0.8%	-20.9%	21%	20%	14.3%	22%	20%	19%	18%	14%
Bảo hiểm	65,315	0.7%		-13.0%	18.0%	7%	31%	-0.1%	17%	34%	56%	20%	6%

- Đà tăng của VN-Index trong tháng 4 chủ yếu đến từ nhóm **Vingroup** (VIC và VHM đóng góp lần lượt 129 và 27 điểm trong tổng 179,6 điểm tăng của VN-Index), được hỗ trợ bởi thông tin tích cực về kế hoạch kinh doanh 2026 và kết quả quý 1 tăng trưởng mạnh.
- Ngoài ra, các ngân hàng đồng thuận giảm lãi suất ngay sau cuộc họp ngày 9/4 với tân Thống đốc cũng hỗ trợ tâm lý thị trường chung trong tháng 4.

Tóm tắt nội dung ĐHĐCĐ và đánh giá của chúng tôi đối với một số ngành

Theo cập nhật từ kỳ ĐHĐCĐ, NPATMI kế hoạch của các doanh nghiệp niêm yết HOSE kỳ vọng tăng trưởng 16% so với thực hiện 2025, chậm lại so với đà tăng trưởng của năm 2025 (+28% YoY).

- Ngân hàng, Bất động sản, Dịch vụ tài chính, Nguyên vật liệu, và CNTT đặt kế hoạch NPATMI tăng trưởng hai chữ số. Trong đó, Ngân hàng và Bất động sản đặt kế hoạch duy trì đà tăng trưởng mạnh.
- Tiêu dùng và Vận tải đặt kế hoạch tăng trưởng chậm hơn đáng kể so với tăng trưởng 2025.
- Xây dựng cơ bản, Tiện ích, Dầu khí đặt kế hoạch NPATMI sụt giảm so với mức nền cao của 2025.

Phân ngành	Cập nhật
Ngân hàng	Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 khoảng 15% (2025: 19,07%).
Bất động sản	<p>- Bất động sản nhà ở: Gỡ nút thắt pháp lý, cải thiện tính minh bạch của thị trường, chính sách thúc đẩy phân khúc nhà ở giá hợp lý và nhà ở xã hội. Bất động sản khu công nghiệp: Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng trong bối cảnh rủi ro địa chính trị vẫn hiện hữu, các chính sách thu hút dòng vốn FDI, nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng kết nối, xu hướng mô hình “khu công nghiệp xanh”</p> <p>- Nổi bật có nhóm Vingroup (VIC, VHM) đặt kế hoạch kinh doanh 2026 tăng trưởng mạnh, với LNST kế hoạch tăng lần lượt 216% và 38% so với 2025.</p>
Tiêu dùng	<p>- Thị trường tiêu dùng còn nhiều dư địa tăng trưởng, với cơ cấu dân số trẻ và thu nhập khả dụng tăng, xu hướng cao cấp hóa sản phẩm và phát triển hệ thống bản lẻ hiện đại.</p> <p>- Các doanh nghiệp tiêu dùng thiết yếu đặt kế hoạch kinh doanh 2026 tăng trưởng vừa phải, với các doanh nghiệp đầu ngành như VNM đặt LNST kế hoạch 2026 tăng nhẹ 4%, MSN tăng 7–17% so với 2025. Trong khi đó, các doanh nghiệp tiêu dùng không thiết yếu đặt kế hoạch LNST tăng trưởng so với mức nền tăng trưởng cao của năm 2025 (MWG: +30%, PNJ: +21%, FRT: +27%)</p>

Tóm tắt nội dung ĐHĐCĐ và đánh giá của chúng tôi đối với một số ngành

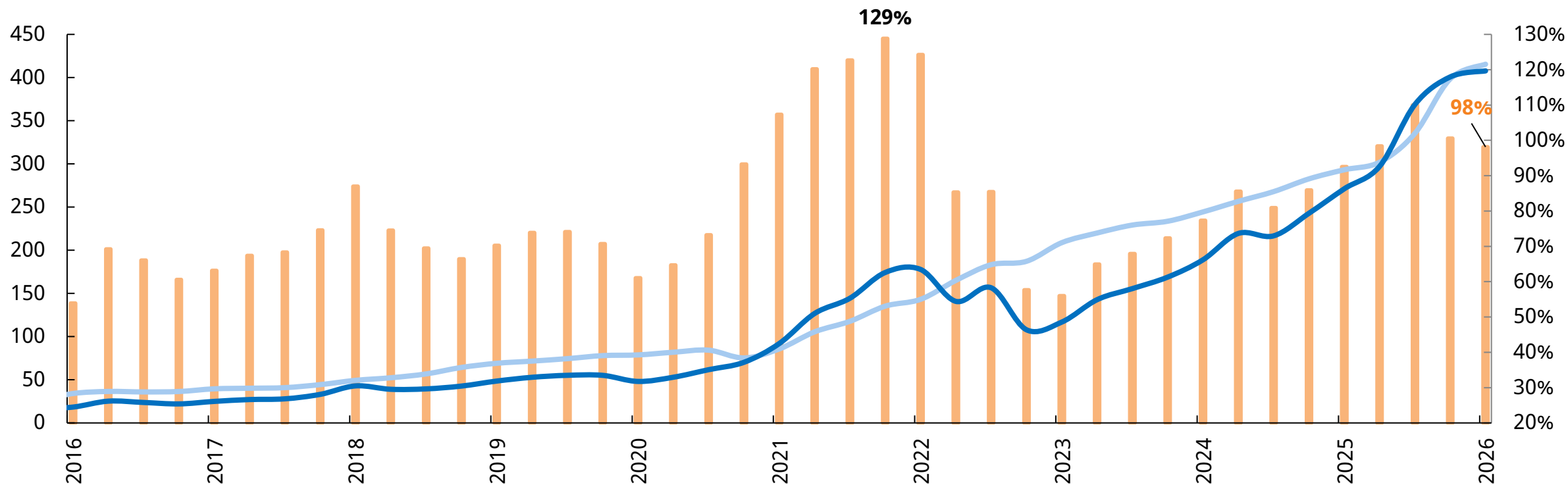
Phân ngành	Cập nhật
Dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tại ĐHĐCĐ 2026, hầu hết các CTCK đều thông qua các phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành riêng lẻ hoặc quyền mua cho cổ đông hiện hữu. Kỳ vọng tái định giá và thanh khoản cải thiện khi Việt Nam được chính thức nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp bởi FTSE Russell. - Đa phần các CTCK đặt kế hoạch 2026 tăng trưởng lợi nhuận trên 20% so với thực hiện 2025.
Nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm ngành vật liệu xây dựng kỳ vọng hưởng lợi từ siêu chu kỳ hạ tầng, với vốn đầu tư công kế hoạch giai đoạn 2026–2030 là 8,22 triệu tỷ đồng (tăng 158% so với giai đoạn 2021–2025), cùng với sự phục hồi của bất động sản. Doanh nghiệp có lợi thế quy mô và chuỗi sản xuất kỳ vọng được hưởng lợi từ bối cảnh trên. - HPG đặt LNST kế hoạch 2026 tăng 41,8%.
CNTT	<ul style="list-style-type: none"> - Trọng tâm đầu tư vào hệ sinh thái AI và hạ tầng dữ liệu (Data center). Gartner dự báo chi tiêu IT toàn cầu năm 2026 tăng 10,8% YoY (so với 2025: +10,3% YoY). Thêm vào đó, các doanh nghiệp có năng lực công nghệ lõi kỳ vọng được hưởng lợi từ các dự án chuyển đổi số quốc gia, quản lý dữ liệu dân cư và e-commerce. - FPT và CMG đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 tăng trưởng lần lượt khoảng 15,8% và 20% so với 2025.

Tỷ lệ cho vay ký quỹ/Vốn chủ sở hữu toàn thị trường vẫn ở mức an toàn

- Tỷ lệ cho vay ký quỹ/Vốn chủ sở hữu toàn thị trường tính tới cuối quý 1/2026 ở mức an toàn, với tỷ lệ này là 98%, thấp hơn nhiều so với mức đỉnh vào quý 4/2021 là 129%.

(Nghìn tỷ đồng)

Tỷ lệ cho vay ký quỹ/Vốn chủ sở hữu (P) Vốn chủ sở hữu Cho vay ký quỹ



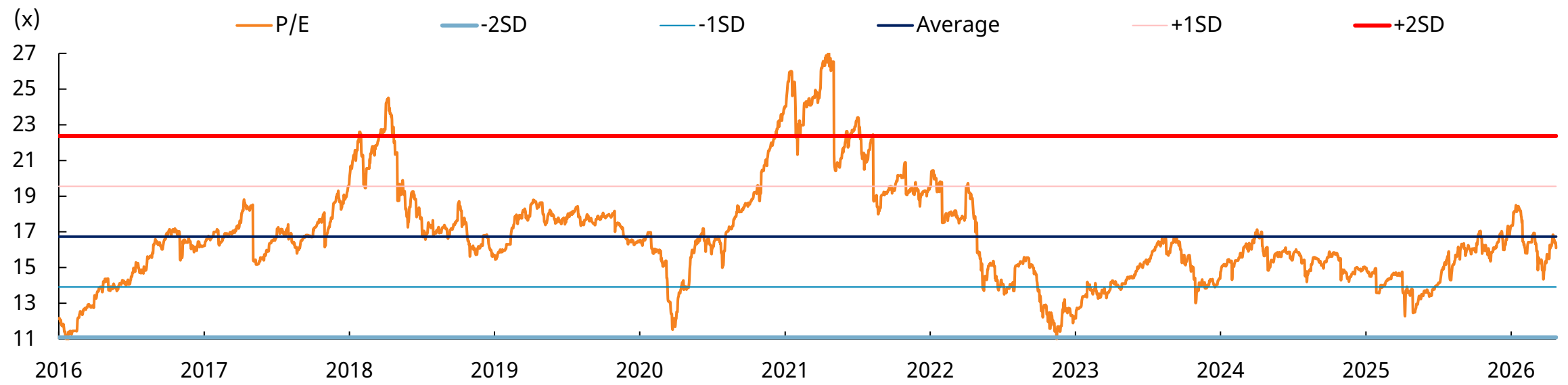
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Finpro, cập nhật tới quý 1/2026

3 Triển vọng thị trường

Tập trung vào mùa ĐHĐCĐ và KQKD quý 1

- **Tập trung vào yếu tố nội tại:** Thị trường tháng 4 đánh dấu sự hồi phục và quay trở lại mức đỉnh cũ, trong bối cảnh chiến tranh tại Trung Đông hạ nhiệt. Trong mùa ĐHĐCĐ và công bố KQKD quý 1 đang diễn ra, dòng tiền được kỳ vọng có xu hướng chọn lọc và tập trung vào các nhóm ngành có nền tảng cơ bản vững chắc, định giá hấp dẫn và triển vọng lợi nhuận tích cực. **Tính đến ngày 29/4, hầu hết các doanh nghiệp sàn HOSE đã công bố KQKD quý 1, đạt mức tăng trưởng 51% YoY, vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao.**
- **Trong ngắn hạn:** Độ biến động của thị trường có thể gia tăng trong ngắn hạn, khi định giá hiện tại chạm mức trung bình 10 năm.
- **Mức định giá dựa trên tăng trưởng lợi nhuận:** Việt Nam được kỳ vọng ở vị thế sẵn sàng tận dụng các động lực tăng trưởng nội tại, cân bằng lại với rủi ro bên ngoài gia tăng. Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 cho các doanh nghiệp niêm yết ở mức 20%.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/04/2026

4

VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		8,793,457	1,853.29	1,901.22	1,220.67	-0.9	2.0	14.8	51.5	17.31	2.23	14.11	14.50	28.89
VN30 Index		6,321,154	2,011.42	2,102.77	1,304.50	-0.7	1.2	13.6	53.3	15.62	2.35	16.01	17.96	17.49
VN100 Index		7,736,432	1,930.67	1,979.48	1,264.05	-0.7	1.2	13.8	51.8	15.34	2.06	14.56	16.04	24.11
VNDiamond Index		1,727,442	2,513.16	2,795.05	2,007.89	-0.4	-1.5	3.9	24.4	11.91	1.91	16.20	25.73	3.94
Ngân hàng	VCB	506,354	60,600	76,000	55,600	-3.5	1.8	4.1	4.1	14.39	2.26	16.73	20.17	9.83
	BID	296,663	40,750	54,500	34,350	-2.0	1.1	4.2	15.0	9.57	1.70	19.43	16.58	13.42
	CTG	271,843	35,000	41,550	25,374	-1.4	0.4	4.3	35.4	7.86	1.52	21.23	25.29	4.71
	TCB	242,704	34,250	41,650	25,400	2.9	6.2	14.7	33.0	9.32	1.37	15.85	22.52	0.02
	VPB	216,199	27,250	38,250	16,450	-0.5	-3.5	7.9	63.7	8.22	1.24	16.44	24.63	5.37
	MBB	211,041	26,200	29,500	17,652	-0.8	-0.9	2.3	48.7	7.88	1.55	21.57	22.96	0.28
	LPB	138,311	46,300	53,700	31,200	-0.4	0.7	10.5	40.3	12.38	2.80	23.43	0.92	4.08
	HDB	134,642	26,900	29,700	16,115	1.1	2.7	10.7	64.2	7.42	1.78	25.41	21.83	5.17
	STB	122,350	64,900	68,700	38,900	-0.8	1.4	6.7	61.4	20.60	2.04	10.34	12.42	17.58
	ACB	120,198	23,400	29,400	20,783	-0.4	-1.5	1.3	11.4	7.39	1.27	17.56	27.39	2.61
	SHB	74,533	14,750	18,825	10,859	-0.3	-3.6	3.6	31.1	5.72	1.01	19.05	3.12	26.88
	VIB	58,719	17,250	24,800	15,175	0.3	-0.6	3.3	11.4	8.05	1.25	16.41	4.90	0.09
	SSB	47,369	16,650	23,800	16,350	-0.3	-1.2	-0.9	-10.5	8.85	1.17	14.18	0.13	4.87
	TPB	45,217	16,300	21,714	12,429	0.0	0.3	3.2	27.2	6.11	1.07	18.53	24.56	5.44
	EIB	41,632	22,350	30,900	18,750	-0.2	-0.2	0.9	17.9	36.62	1.60	4.45	3.02	26.95
	MSB	39,312	12,600	15,625	9,333	0.0	-0.4	12.0	33.2	6.99	0.93	14.20	25.28	4.72
OCB	30,492	11,450	15,400	9,537	0.0	-2.6	4.6	17.8	7.14	0.87	12.70	19.65	2.35	
NAB	24,363	14,200	17,000	12,100	2.2	5.2	13.6	8.9	5.83	1.04	19.58	0.94	29.06	
Dịch vụ tài chính	SSI	69,003	27,700	40,214	20,767	-0.9	-3.0	6.9	32.2	13.92	1.98	14.01	32.05	67.95
	VIX	40,675	16,600	33,907	9,571	-1.5	-5.1	6.1	70.6	5.82	1.40	28.85	8.01	91.99
	VCI	30,986	27,000	36,630	24,222	-0.6	-1.1	7.2	-0.8	19.72	1.72	8.67	19.95	80.05
	HCM	28,295	26,200	30,400	19,675	-2.2	-3.0	32.7	32.4	22.10	1.96	10.06	34.73	14.27
	VND	24,661	16,200	27,350	14,600	-0.3	-2.1	7.6	8.7	11.29	1.15	10.52	9.65	90.35
	EVF	9,963	13,100	16,500	9,220	1.6	-5.1	-1.1	40.9	11.24	1.01	9.05	0.29	14.71
	DSE	10,150	23,700	31,225	19,648	-0.8	-0.6	1.3	19.2	38.12	2.03	7.01	11.18	88.82
	FTS	9,165	26,450	43,550	24,750	-0.2	-4.0	6.7	-21.0	22.84	2.07	9.29	24.79	75.21
	BSI	8,784	35,800	56,000	33,000	2.3	-2.3	9.5	-12.3	17.79	1.59	9.32	35.61	64.39
	CTS	5,615	26,400	46,500	22,273	-1.1	-2.9	5.2	16.9	8.95	1.97	22.61	0.56	48.44

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/04/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	53,299	71,800	85,300	45,500	1.1	-1.1	-10.6	54.6	18.79	2.18	12.06	27.23	21.77
Bất động sản	VIC	1,634,449	212,100	221,900	31,900	-1.1	12.9	71.0	576.6	140.33	10.95	7.99	3.35	44.67
	VHM	579,967	141,200	148,600	57,000	-5.2	4.1	42.6	130.7	13.84	2.44	19.01	8.03	41.97
	VPL	146,154	81,500	109,100	70,900	-2.4	-1.6	2.8	0.0	N/A	4.07	N/A	1.72	47.28
	VRE	65,443	28,800	43,550	22,200	-0.9	0.7	13.8	26.3	9.52	1.35	14.28	11.96	37.04
	BCM	56,097	54,200	79,500	52,700	-0.2	-2.7	5.2	-2.3	16.18	2.46	16.50	0.96	33.04
	NVL	43,461	19,450	19,700	10,750	1.3	14.1	46.8	72.1	27.31	0.96	4.19	5.48	43.52
	KBC	32,208	34,200	43,100	22,200	0.0	-2.4	23.7	50.3	14.12	1.30	9.69	9.34	39.66
	KDH	28,729	25,600	37,500	23,955	0.0	-1.7	2.4	3.9	29.38	1.55	5.41	28.05	21.95
	VPI	19,139	59,800	62,300	48,000	1.0	-2.8	3.3	11.2	48.77	3.64	7.77	9.77	39.23
	DXG	16,575	14,900	24,200	12,393	2.8	0.0	8.8	16.6	64.14	1.16	1.87	20.27	29.73
	PDR	16,165	16,200	27,200	14,167	0.9	0.3	6.9	10.0	30.46	1.31	4.41	6.16	43.84
	SJS	17,551	59,000	79,000	33,012	-4.4	11.3	22.4	77.9	37.31	5.12	11.28	0.58	49.42
	SIP	14,599	60,300	68,900	50,700	3.6	-2.6	8.5	11.5	11.62	2.83	26.48	2.48	46.52
	NLG	13,416	27,650	43,159	25,199	-1.1	-3.2	-2.0	8.0	18.90	1.06	5.92	41.21	8.79
	KOS	8,248	38,100	42,150	36,200	-0.4	-1.9	-1.8	-1.4	437.83	3.54	0.81	0.22	48.78
	DXS	4,227	7,300	13,950	6,120	3.1	-0.4	17.7	15.9	12.03	0.67	5.69	6.99	43.01
	HDC	3,735	18,700	37,768	17,500	0.0	0.8	8.7	-4.4	5.47	1.27	26.21	1.44	47.56
Xây dựng cơ bản	GEE	64,050	175,000	245,800	70,417	-1.6	-2.5	12.5	148.5	19.63	7.98	45.17	0.86	49.14
	GEX	35,915	39,800	65,700	24,571	0.6	2.1	18.5	55.9	24.30	2.02	9.29	7.23	42.77
	REE	33,745	62,300	72,500	59,391	0.2	-3.3	-6.0	4.7	13.34	1.61	12.69	48.99	0.01
	VGC	19,660	43,850	66,600	38,900	0.0	-4.7	1.9	10.6	14.01	2.27	16.53	1.73	47.27
	TCH	15,962	17,500	24,571	13,700	2.3	2.3	9.7	19.2	45.85	1.40	3.03	13.49	37.51
	VCG	14,804	22,900	28,600	18,150	0.9	2.9	11.4	15.0	4.04	1.31	37.60	2.27	46.73
	CII	12,600	18,750	31,350	10,570	-0.5	-1.3	12.6	78.1	106.92	1.31	1.43	4.00	36.00
	BMP	12,034	147,000	184,200	124,300	-1.1	-0.7	17.8	2.4	9.66	3.78	40.38	80.42	19.58
	DIG	11,389	14,300	25,100	12,667	1.8	-0.3	5.9	11.0	16.80	1.14	7.28	2.35	46.65

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/04/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	PC1	9,233	22,450	30,150	18,043	-6.8	-15.8	-14.0	24.1	10.05	1.42	15.27	16.69	33.31
	HDG	9,841	26,600	36,200	20,864	-0.2	-4.7	-10.9	27.2	12.77	1.43	11.89	19.89	30.11
	CTR	9,974	87,200	110,500	79,600	1.4	0.0	7.4	2.1	16.63	4.83	30.50	5.14	43.86
	CTD	9,751	87,200	93,878	66,757	0.6	10.7	12.6	18.0	12.43	1.04	8.65	49.00	0.00
	HHV	6,317	12,700	16,941	10,927	-1.6	0.0	9.0	14.3	10.72	0.60	5.78	10.30	38.70
	SZC	4,986	27,700	39,100	27,500	-1.1	-4.8	-0.2	-8.7	21.62	1.56	11.00	3.82	16.18
Nguyên vật liệu	HPG	214,145	27,900	30,100	21,042	0.4	-0.4	7.5	30.8	13.86	1.66	12.69	22.77	26.23
	GVR	133,400	33,350	42,300	23,300	2.3	-0.4	16.2	41.6	24.21	2.35	10.05	0.65	12.35
	DCM	22,050	41,650	52,300	31,450	-4.0	-8.3	-8.2	32.4	13.00	2.05	16.22	9.53	39.47
	DGC	20,242	53,300	108,500	51,600	-0.4	-2.2	1.5	-41.8	7.12	1.34	20.01	6.59	42.41
	DPM	17,984	26,450	35,800	18,677	-2.0	-8.5	-8.2	41.4	17.57	1.58	9.60	6.03	43.97
	HSG	9,812	15,800	21,100	13,350	0.6	-1.3	10.1	17.0	15.53	0.86	5.63	3.86	45.14
	PHR	8,225	60,700	69,500	42,800	0.0	-1.9	5.0	41.5	17.20	2.04	12.31	13.78	35.22
	NKG	6,467	14,450	20,400	11,750	-0.3	-1.7	9.9	21.4	32.81	0.85	2.92	4.98	45.02
HT1	5,743	15,050	18,500	10,700	-0.3	-0.3	4.2	40.0	20.99	1.13	5.51	2.27	46.73	
Tiêu dùng thiết yếu	VNM	128,323	61,400	73,000	54,800	-1.0	0.2	0.3	9.1	15.25	4.18	26.74	48.92	51.08
	MSN	111,625	77,200	94,000	59,900	-1.3	-2.9	7.1	28.9	23.64	3.32	12.53	24.52	75.48
	SAB	60,280	47,000	53,800	42,600	-2.5	3.3	4.2	-4.5	12.90	2.70	20.77	58.51	41.49
	HAG	20,659	16,300	18,400	12,200	-0.3	-2.1	7.2	33.1	8.72	1.56	19.34	1.98	47.02
	SBT	19,051	20,500	25,236	15,849	0.0	-0.7	3.2	28.2	28.46	1.66	5.89	19.73	80.27
	KDC	12,954	44,700	59,000	43,550	-4.5	-6.9	-7.0	-21.4	24.85	1.82	7.59	15.90	34.10
	VHC	14,006	62,400	65,600	48,300	0.6	1.8	8.7	29.6	9.87	1.46	15.51	19.40	80.60

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/04/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng thiết yếu	DBC	8,794	22,850	31,696	22,750	-1.1	-1.9	2.5	-6.0	5.84	1.09	20.32	1.47	47.53
	PAN	6,643	31,800	35,300	22,600	-0.2	-0.6	13.6	39.8	9.88	1.24	12.92	21.21	27.79
	ANV	6,470	24,300	33,450	14,550	0.6	-2.8	10.0	53.3	6.09	1.74	31.96	4.01	44.99
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	122,613	83,500	93,900	59,400	-1.2	-3.9	9.9	39.9	14.98	3.76	23.31	48.96	0.04
	PNJ	35,821	70,000	84,667	46,400	-2.4	-5.4	-3.2	47.9	13.00	2.70	23.06	48.79	0.21
	FRT	24,609	144,500	171,000	122,100	-1.5	-5.0	-8.5	7.5	30.96	5.90	26.13	32.14	16.86
	DGW	9,842	44,500	54,900	31,900	-0.2	-3.2	5.2	35.9	17.87	2.87	17.09	23.74	25.26
Vận tải	VJC	106,786	180,500	212,500	84,300	3.2	1.5	18.0	110.6	47.35	4.31	10.14	6.40	23.60
	GMD	31,987	75,000	85,100	49,200	1.1	0.5	1.5	53.1	19.60	2.43	12.66	41.78	7.22
	VTP	12,001	69,400	94,822	64,735	1.3	-2.3	11.5	-12.6	32.96	6.50	20.77	4.46	44.54
	VSC	8,311	22,200	33,850	15,600	0.5	-5.3	-5.5	39.1	24.37	1.53	6.86	1.24	47.76
	SCS	5,001	52,700	69,500	51,300	-0.6	-2.4	1.9	-10.1	6.63	3.01	47.63	11.00	19.00
Dầu khí	BSR	125,182	25,000	39,500	9,752	0.0	-6.4	-5.3	157.2	24.00	2.07	8.99	1.54	47.46
	PLX	50,443	39,700	67,000	33,300	1.0	-0.6	-0.3	18.0	20.10	1.92	10.24	14.37	5.63
	PVD	17,455	31,400	43,100	17,450	-0.8	-5.7	-6.3	76.4	16.79	1.03	6.35	10.96	38.04
	PVT	10,879	23,150	30,700	15,606	-2.7	6.4	9.2	47.6	10.49	1.25	12.66	13.68	35.32
Tiện ích	GAS	188,934	78,300	122,000	55,825	1.2	-2.2	-3.0	40.3	16.55	2.85	18.04	2.18	46.82
	POW	39,269	12,800	15,350	9,670	0.4	-3.4	0.8	29.1	14.94	1.06	7.33	2.97	47.03
	BWE	9,501	43,200	53,000	41,900	-0.7	-0.9	2.5	-6.1	11.55	1.59	14.54	2.94	46.06
	NT2	7,139	24,800	28,300	17,300	0.8	-4.6	-4.2	43.4	5.73	1.42	27.56	12.50	36.50
CNTT	FPT	125,037	73,400	111,500	73,200	-1.2	-3.4	-2.7	-24.6	13.31	3.43	28.29	31.78	17.22
	CMG	6,475	27,800	41,636	27,600	-1.9	-3.3	-1.2	-4.4	16.24	2.03	13.20	37.36	12.64
Chăm sóc sức khỏe	IMP	7,446	48,350	56,700	42,800	-2.9	-14.0	-12.1	10.9	23.77	3.13	13.33	50.86	27.10

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/04/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.